

Bản án số: 527/2019/HS-ST

Ngày: 18/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Doãn Đức

2. Ông Trần Văn Chánh

- Thư ký Tòa án: Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 458/2019/TLST-HSST ngày 25 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 511/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 715/2019/HSST-QĐ ngày 11/11/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Tiêu Quốc T**; Giới T2h: Nam. Tên gọi khác: Quay.

Sinh ngày 18 tháng 11 năm 1999 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: 98/3E, tổ 6, khu phố N, phường A, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam – Dân tộc: Kinh – Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: công nhân; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ học vấn: 09/12.

Con ông Tiêu Quốc C, sinh năm 1966 và bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1968.

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con út trong gia đình, chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 22/01/2019. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Anh **Nguyễn Hữu Tr**, sinh năm: 1994;

2. Anh **Nguyễn Hữu T2**, sinh năm 1997;

Cùng địa chỉ: 77/2, tổ 18, khu phố 2, phường A, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(anh Tr và anh T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 21/11/2018, Tiêu Quốc T, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Anh T và Trần Thanh Th (ngụ tại 70/3A, tổ 10, khu phố 2, phường A, thành phố Biên Hòa) đến quán “Thùy Trâm” tại tổ 4, khu phố 2, phường A, thành phố Biên Hòa để uống bia. Đến khoảng 00 giờ 00 phút ngày 22/11/2018, Th đi về trước, khi đi đến phía trước cạnh quán “Thùy Trâm” thì thấy anh Nguyễn Hữu Tr, anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Ngọc Th1 (cùng ngụ tại địa chỉ 77/2, tổ 18, khu phố 2, phường A, thành phố Biên Hòa) đang ngồi uống bia trước cổng nhà nên anh Tr gọi Th vào uống bia chung. Đến khoảng 00 giờ 30 phút cùng ngày, T, Th và T1 từ trong quán “Thùy Trâm” đi ra về nên Th gọi T, Th và T1 vào uống bia thì chỉ có T vào uống bia cùng Th, Tr, T2 và chị Th1, còn Th ngồi trên xe chờ, T1 bỏ về trước. Trong quá trình uống bia, T và chị Thoa xảy ra mâu thuẫn và cãi nhau nên anh Tr can ngăn đẩy chị Th1 vào trong nhà và đẩy T đi về. Do bức tức vì bị đuổi về nên T đã rủ Th về nhà T lấy dao tự chế để chém anh Tr, trên đường đi Th gọi điện thoại rủ T1 tham gia chém anh Tr cùng thì T1 đồng ý. Sau đó, Th, T và T1 mỗi người mang theo 01 (một) con dao tự chế cán bằng sắt dài khoảng từ 60cm đến 80cm rồi Th chở T, còn T1 đi một mình (bằng xe mô tô không rõ biển số của T và T1) đến chỗ anh Tr đang uống bia. Khi đến nơi, T cầm dao tự chế chạy vào chém anh Tr nhưng bị anh Tr ôm lại nên Th chạy đến dùng dao tự chế chém vào anh Tr thì bị anh T2 can ngăn, đẩy Th ra không để Th chém anh Tr, Th liền cầm dao quay lại chém một nhát vào cổ tay trái của anh T2, anh T2 bỏ chạy và bị té ngã, Th tiếp tục cầm dao chém một nhát vào cẳng chân phải anh T2 gây thương tích. Trong lúc giằng co với T thì anh Tr bị T dùng dao tự chế chém hai nhát vào trán phải và một nhát vào bờ nếp khuỷu tay trái gây thương tích. Thấy vậy, chị Thoa chạy vào can ngăn thì bị T1 dùng tay đánh vào mặt chị Th1. Sau khi chém anh Tr và anh T2 bị thương, T, Th và T1 bỏ đi và đưa dao cho T1 cất giấu. Sự việc xảy ra, anh Tr và anh T2 được đưa đi cấp cứu và điều trị tại bệnh viện Chợ Rẫy, sau đó xin về Bệnh viện Đồng Nai điều trị vết thương. Qua điều tra, xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với T, Th và T1 để điều tra, xử lý. Ngày 22/01/2019, Th bị bắt giữ để điều tra xử lý, riêng T và T1 đã bỏ trốn.

- Vật chứng được thu giữ gồm: 01 (Một) dao tự chế cán bằng sắt loại 05 x 60cm màu đen, 01 (Một) dao tự chế cán bằng sắt loại 04 x 80cm và 01 (Một) dao tự chế cán bằng sắt loại 05 x 70cm.

Đối với 02 xe mô tô Th, T, T1 dùng làm phương tiện phạm tội là của T và T1 và chiếc điện thoại di động T1 dùng liên hệ với Th. Hiện T và T1 đã bỏ trốn nên chưa làm rõ nguồn gốc để xử lý.

Đối với chiếc điện thoại di động Th dùng liên lạc với T1, hiện Th đã làm mất nên không thu hồi được.

* Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0955/TgT/2018 ngày 10-12-2018 của Trung tâm pháp y Sở Y tế tỉnh Đồng Nai đối với anh Nguyễn Hữu Tr đã kết luận:

“Căn cứ vào bảng 1 tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích của Th tư số: 20/2014/TT-BYT ngày 12 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

+ Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương thái dương – trán phải kéo xuống gò má phải trong đó phần từ đuôi mắt xuống gò má phải kích thước 3,5x0,2cm. Xấu về thẩm mỹ (Áp dụng Chương 9, điều IV, mục 1). Tỷ lệ 15%

- Vết thương thái dương – trán phải kéo xuống gò má phải trong đó phần nằm ở thái dương trán kích thước 8,5cmx0,2cm, xấu về thẩm mỹ (Áp dụng Chương 9, điều II, mục 1). Tỷ lệ 06%

- Vết thương trán phải kích thước 06cmx0,2cm, xấu về thẩm mỹ (Áp dụng Chương 9, điều II, mục 1). Tỷ lệ 06%

Vết thương bờ ngoài nếp khuỷu tay trái kích thước 02x0,2cm (Áp dụng Chương 9, điều I, mục 1). Tỷ lệ 01%

Tỷ lệ tổn thương cơ thể (Áp dụng theo phương pháp cộng lùi) do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: **26%** (Hai mươi sáu phần trăm).

+ Kết luận khác: Vật gây thương tích: Vật sắc.”

* Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0956/TgT/2018 ngày 10-12-2018 của Trung tâm pháp y Sở Y tế tỉnh Đồng Nai đối với anh Nguyễn Hữu T2 đã kết luận:

“Căn cứ vào bảng 1 tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích của Th tư số: 20/2014/TT-BYT ngày 12 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

+ Dấu hiệu chính qua giám định:

- Tổn thương đứt thần kinh giữa đoạn cổ tay trái đã được phẫu thuật nối thần kinh giữa cổ tay trái (Áp dụng Chương 2, điều VII, mục 3.21). Tỷ lệ 21%

- Tổn thương đứt động mạch trụ cẳng tay trái đã được phẫu thuật khâu nối (Áp dụng Chương 3, điều II, mục 3.1). Tỷ lệ 04%

- Tổn thương đứt động mạch quay tay trái đã được phẫu thuật cột động mạch quay tay trái (Áp dụng Chương 3, điều II, mục 3.1). Tỷ lệ 04%

- Vết thương cổ tay trái kích thước 08x0,2cm (Áp dụng Chương 9, điều I, mục 1). Tỷ lệ 03%

- Vết thương cẳng chân phải kích thước 04x0,2cm (Áp dụng Chương 9, điều I, mục 1). Tỷ lệ 01%

Tỷ lệ tổn thương cơ thể (Áp dụng theo phương pháp cộng lùi) do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: **30%** (Ba mươi phần trăm).

+ Kết luận khác: Vật gây thương tích: Vật sắc.”

* Trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Hữu Tr yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí điều trị thương tích và tiền mất thu nhập trong thời gian điều trị với số tiền 21.267.000đ (Hai mươi một triệu, hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng); anh Nguyễn Hữu T2 yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí điều trị thương tích và tiền mất thu nhập trong thời gian điều trị với số tiền 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng). Tổng số tiền anh Tr, anh T2 yêu cầu bị cáo bồi thường là 53.267.000đ.

Trong quá trình điều trị, gia đình bị cáo và mẹ của Nguyễn Hữu T đã bồi thường tổng số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Tại phiên tòa anh Nguyễn Hữu Tr và anh Nguyễn Hữu T2 yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại 3.267.000đ (Ba triệu, hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng), ngoài ra anh Tr, anh T2 không có yêu cầu gì thêm.

Tại cáo trạng số 464/CT-VKSBH ngày 18 tháng 9 năm 2019, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo **Tiêu Quốc T**, về tội “Cố ý gây thương tích”, theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo **Tiêu Quốc T** khai nhận như đã khai tại cơ quan điều tra, công nhận nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích”, theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự, là đúng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội nêu T2h chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo điều, khoản và tội danh nêu trên; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đã bồi thường một phần thiệt hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu chưa có tiền án tiền sự (theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến bào chữa tranh luận đối với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng bị cáo đã nhận thức rõ về hành vi vi phạm pháp luật của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất cho bị cáo.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. Biên Hòa, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và lời khai thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định như sau:

Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 22/11/2018, tại trước nhà số 77/2, tổ 18, khu phố 2, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, bị cáo Tiêu Quốc T cùng đồng phạm Nguyễn Hữu T, Nguyễn Anh T1 đã có hành vi dùng dao tự chế chém (02 nhát trúng vào trán phải và 01 nhát vào bờ nếp khuỷu tay trái) gây thương tích cho anh Nguyễn Hữu Tr, với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 26%; Chém (01 nhát vào cổ tay trái và 01 nhát vào cẳng chân phải) gây thương tích cho anh Nguyễn Hữu T2, với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 30%.

Qua xác minh đến ngày 22/01/2019, bị cáo Th bị bắt giữ để điều tra xử lý. Riêng T và T1 đã bỏ trốn, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã ra quyết định truy nã đối với T và T1.

[3] Về tội danh:

Xét thấy, hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về T2h chất, mức độ hành vi phạm tội:

Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người bị hại là anh Tr và anh T2 được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo và các đồng phạm dùng dao tự chế dài khoảng 80cm được xác định là “hung khí nguy hiểm” (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự), đã chém nhiều nhát gây thương tích cho anh Tr, với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 26% và chém nhiều nhát gây thương tích cho anh T2, với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 30%. Nên bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là “Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 2 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các Tr hợp quy định tại các điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này”, như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân thành phố Biên

Hòa đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình.

Thương tích của anh T2 là do bị cáo trực tiếp gây ra; còn thương tích của anh Tr mặc dù không phải do bị cáo trực tiếp chém mà do Nguyễn Hữu T (hiện đang bỏ trốn) gây ra. Nhưng hậu quả là tỷ lệ tổn thương cơ thể của người bị hại là anh T2 và anh Tường như đã nêu trên là do bị cáo và đồng phạm cùng tham gia, nên trong vụ án này thì bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm toàn bộ đối với hậu quả đã gây ra cho anh T2, anh Tr.

Do vậy, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 58 Bộ luật Hình sự, sẽ xem xét tính chất mức độ tội phạm mà bị cáo đã thực hiện, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, để có mức hình phạt tương xứng.

Đối với Nguyễn Hữu T là người giữ vai trò chính trong vụ án và Nguyễn Anh T1 là đồng phạm giúp sức, nhưng hiện đang bỏ trốn và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã ra quyết định truy nã, khi nào bắt được T, T1 sẽ xử lý sau.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại, chi phí điều trị thương tích cho người bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu và chưa có tiền án, tiền sự. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về quyết định hình phạt:

Qua xem xét T2h chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử, xét thấy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian phù hợp, nhằm có thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng răn đe, đấu tranh phòng ngừa chung.

[7] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu tiêu hủy:

01 (Một) dao tự chế cán bằng sắt loại 05 x 60cm màu đen; 01 (Một) dao tự chế cán bằng sắt loại 04 x 80cm và 01 (Một) dao tự chế cán bằng sắt loại 05 x 70cm. Là công cụ phạm tội.

(Vật chứng nêu trên được bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

Đối với 02 xe mô tô Th, T, T1 dùng làm phương tiện phạm tội là của T và T1 và chiếc điện thoại di động T1 dùng liên hệ với Th. Hiện T và T1 đã bỏ trốn nên chưa làm rõ nguồn gốc để xử lý.

Đối với chiếc điện thoại di động của Th dùng liên lạc với T1, hiện Th đã làm mất nên không thu hồi được.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Nguyễn Hữu Tr yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí điều trị thương tích và tiền mất thu nhập trong thời gian điều trị với số tiền 21.267.000đ *(Hai mươi một triệu, hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)*; anh Nguyễn Hữu T2 yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí điều trị thương tích và tiền mất thu nhập trong thời gian điều trị với số tiền 32.000.000đ *(Ba mươi hai triệu đồng)*. Tổng số tiền anh Tr, anh T2 yêu cầu bị cáo bồi thường là 53.267.000đ. Trong quá trình điều trị, gia đình bị cáo và mẹ của Nguyễn Hữu T đã bồi thường tổng số tiền 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)*.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích cho người bị hại là anh Tr, anh T2 biết rõ về ngoài các khoản chi phí mà người bị hại đã yêu cầu như trên thì người bị hại còn có quyền yêu cầu một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh Nguyễn Hữu Tr và anh Nguyễn Hữu T2 chỉ yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại 3.267.000đ *(Ba triệu, hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)*, ngoài ra anh Tr, anh T2 không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý bồi thường cho anh Tr, anh T2 số tiền còn lại 3.267.000đ *(Ba triệu, hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)*, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[10] Đối với phần trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa tại phiên tòa, xét thấy phù hợp với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định về vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Tiêu Quốc T** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 và điểm d khoản 3 Điều 134; điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo **Tiêu Quốc T 05 (Năm)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/01/2019.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (Một) dao tự chế cán bằng sắt loại 05 x 60cm màu đen;
- 01 (Một) dao tự chế cán bằng sắt loại 04 x 80cm;
- 01 (Một) dao tự chế cán bằng sắt loại 05 x 70cm;

(Vật chứng nêu trên được bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều **584, 590 và 357** Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo **Tiêu Quốc T** có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Hữu Tr và anh Nguyễn Hữu T2 số tiền 3.267.000đ *(Ba triệu, hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)*.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo **Tiêu Quốc T** phải nộp 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* **án phí hình sự sơ thẩm** và 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* **án phí dân sự sơ thẩm**.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Về việc thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với Tr hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tr hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- Thi hành án hình sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Trại giam TP Biên Hòa;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Văn Hùng